

Số: /BC-UBND

Tân Hồng, ngày tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO

Tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 04/3/2005 của Ban Bí thư “về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Huyện ủy tại Công văn số 1461-CV/VPHU, ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc báo cáo 15 năm thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 04/3/2005 của Ban Bí thư “về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”, Ủy ban Nhân dân Huyện báo cáo như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1.1. Công tác tuyên truyền, quán triệt

Cấp Huyện: Ủy ban nhân dân Huyện chỉ đạo các phòng, ban, ngành Huyện tiếp thu và thực hiện nghiêm nội dung quán triệt của Ban Thường vụ Huyện ủy tại các Hội nghị cán bộ chủ chốt toàn Huyện để quán triệt, triển khai một số nghị quyết của Bộ Chính trị, chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương thuộc lĩnh vực Khoa giáo, trong đó có Chỉ thị số 50 của Ban Bí thư “về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước” của Ban ban Bí thư.

Cấp xã: Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn phối hợp với Ban Tuyên giáo Đảng uỷ tham mưu cho Ban Thường vụ cấp uỷ cùng cấp tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để quán triệt, triển khai các nghị quyết của Bộ Chính trị, chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về các lĩnh vực Khoa giáo, trong đó có Chỉ thị 50-CT/TW “về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”

Căn cứ các nhiệm vụ giải pháp đã nêu tại Chỉ thị 50 của Ban Bí thư, 15 năm qua, các phòng, ban, ngành, các địa phương đã có nhiều hình thức tuyên truyền phù hợp. UBND Huyện giao Phòng Văn hóa - Thông tin phối hợp Phòng Nông nghiệp & PTNT xây dựng các chuyên mục, phóng sự: Ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất cây trồng, vật nuôi; Xây dựng mô hình sản xuất chế phẩm sinh học và ứng dụng để xử lý các phế phụ phẩm nông nghiệp.

Chỉ đạo Phòng Văn hóa và Thông tin phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan xây dựng các chuyên mục: “Khoa học - Công nghệ”; “Trang Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” chuyển tải nhiều nội dung, trong đó có nội dung ứng dụng công nghệ sinh học.

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên & Môi trường, MTTQ và các Đoàn thể Huyện...tổ chức nhiều cuộc

hội nghị, hội thảo, hội thảo tập huấn khoa học với mục đích tạo diễn đàn để các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi, thảo luận về vấn đề ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học phục vụ phát triển Kinh tế - Xã hội của Huyện.

1.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

Giai đoạn từ khi triển khai Chỉ thị số 50-CT/TW, UBND Huyện đã chỉ đạo các phòng, ban, ngành Huyện đạt một số kết quả như sau:

- Cơ chế, chính sách để thúc đẩy, nghiên cứu: Nhiều chính sách được ban hành trên địa bàn Tỉnh như: Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND 14/8/2017 của UBND tỉnh Đồng Tháp, về việc thực hiện quản lý và tổ chức các nhiệm vụ khoa học công nghệ trên địa bàn Tỉnh; Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh, về việc ban hành chính sách khuyến khích hỗ trợ cơ sở giáo dục và đào tạo hoạt động sáng tạo trên địa bàn Tỉnh; và một số chính sách lồng ghép khác. Qua triển khai có nhiều đề tài, dự án được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực như: nông nghiệp, môi trường... (các đề tài: Xây dựng mô hình xử lý nước quy mô hộ gia đình phục vụ cho sinh hoạt của người dân trên địa bàn huyện Tân Hồng; Sử dụng rơm ủ ure thay thế một phần cỏ xanh và có bổ sung đá liếm trong khẩu phần bò nuôi thịt...)

- Phát triển nguồn nhân lực: triển khai đào tạo các lớp ngắn hạn và dài hạn để góp phần nâng cao trình độ của cán bộ, công chức, viên chức; HTX, THT, Hội quán và nông dân (đào tạo tập huấn lĩnh vực công nghệ sinh học với tổng số người đã qua đào tạo là 6.540 người).

1.3. Đánh giá sự chuyển biến về nhận thức

Sau khi quán triệt Chỉ thị 50-CT/TW của Ban Bí thư và nhận thức của cán bộ, đảng viên và một bộ phận Nhân dân đã có bước chuyển biến rõ rệt; bước đầu tạo ra phong trào nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học vào cuộc sống. Một bộ phận người dân đã mạnh dạn ứng dụng các sản phẩm của công nghệ sinh học vào đời sống, nhất là các giống cây, giống con và các chế phẩm sinh học.

Công tác nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học được các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể các cấp quan tâm hơn. Sự phối hợp hoạt động của các ngành, đặc biệt giữa các ngành Kinh tế & Hạ tầng, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Y tế, Hội Nông dân huyện... với các địa phương, doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học ngày càng nhiều và hiệu quả hơn.

2. Về ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống

2.1. Nghiên cứu và thử nghiệm

Từ năm 2009 đến nay, toàn Huyện có 11 đề tài/dự án thuộc lĩnh vực công nghệ sinh học và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ được đưa vào thực hiện. Các đề tài/dự án được triển khai thuộc lĩnh vực ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, y tế. Một số dự án đã mang lại kết quả cao trong việc ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất cây trồng,

vật nuôi; ứng dụng công nghệ vi sinh để sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh phục vụ phát triển bền vững nông nghiệp nông thôn, từng bước nâng cao nhận thức ứng dụng tiến bộ trong canh tác, tạo thêm nhiều nghề mới, ổn định và tăng thêm thu nhập cho gia đình.

2.2. Một số kết quả ứng dụng công nghệ sinh học vào một số lĩnh vực cụ thể

2.2.1. Trên lĩnh vực nông nghiệp: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các xã, thị trấn đã tham mưu UBND Huyện nhiều chủ trương, chính sách để từng bước ứng dụng công nghệ sinh học vào quá trình sản xuất nông nghiệp. Nhờ vậy, những năm gần đây, trong lĩnh vực nông nghiệp đã có một số kết quả đáng kể.

+ *Đối với lúa:* Ứng dụng các chế phẩm vi sinh vào canh tác; đồng thời khuyến khích người dân sử dụng các loại chế phẩm vi sinh có nguồn gốc rõ ràng,

+ *Đối với cây hoa màu, cây công nghiệp dài ngày:* việc ứng dụng các giống mới năng suất cao chống chịu sâu, bệnh.

+ *Đối với giống vật nuôi:* Công tác cải tạo giống luôn được quan tâm thực hiện thông qua chương trình Sind hoá đàn bò và đã gieo tinh nhân tạo bò lai Sind đang được triển khai theo kế hoạch. Toàn Huyện hiện có khoản 310 ha trồng cỏ phục vụ chăn nuôi; từng bước nâng cao chất lượng đàn bò theo hướng tập trung hình thành chuỗi giá trị; củng cố và nâng chất các THT; áp dụng các quy trình chăn nuôi theo hướng VietGap; tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, tập huấn người dân tham gia kết nối tiêu thụ sản phẩm; kêu gọi các nhà đầu tư chế biến sau từ bò; Toàn Huyện hiện có 03 Tổ hợp tác chăn nuôi bò; trong đó THT nuôi bò xã Tân Hộ Cơ có tổng số 61 hộ tham gia, với 370 con bò; THT Tân Công Chí có tổng số 28 hộ tham gia, với 190 con bò và THT nuôi bò xã Bình Phú có tổng số 30 hộ tham gia, với 222 con bò của các thành viên đang chăn nuôi. Hiện nay, các THT chỉ hoạt động hỗ trợ giúp nhau về con giống, kỹ thuật chăn nuôi, chưa tìm được đối tác trong liên kết tiêu thụ; công tác giám sát, phòng trừ dịch bệnh và kiểm tra ATVSTP luôn được sự quan tâm chỉ đạo và các ngành chuyên môn tổ chức thực hiện có hiệu quả, tỷ lệ tiêm phòng bệnh trên đàn gia súc, gia cầm hàng năm đều đạt khá cao từ 70% trở lên, đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao.

Chợ phiên trâu bò Tân Hồng đi vào hoạt động mua bán giữa người dân, công ty, doanh nghiệp, thương lái trao đổi mua bán trực tiếp tại chỗ và trên mạng theo **wetsite:chophientraubotanhong.com**; bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực. Tuy nhiên, trong thời gian việc kêu gọi các công ty, doanh nghiệp và thương lái gặp nhiều khó khăn trong giao dịch mua bán trâu, bò; chưa có ràng buộc công tác kiểm dịch động vật nên việc vận chuyển trâu, bò không tập trung.

+ *Trên lĩnh vực thủy sản,* Huyện đã ứng dụng qui trình sản xuất nuôi cá tra công nghệ vi sinh. Việc ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất phân hữu

cơ vi sinh, ứng dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi, phòng chống sâu bệnh hại đối với cây trồng, vật nuôi và nuôi trồng thủy hải sản.

2.2.2. Kết quả ứng dụng công nghệ sinh học trên lĩnh vực bảo vệ môi trường

Ứng dụng công nghệ kỵ khí, biogas và chế phẩm E.M để xử lý chất thải, nước thải trong quá trình sản xuất. Việc triển khai công nghệ khí sinh học bằng các mô hình hầm khí biogas ngoài việc bảo vệ môi trường, còn sử dụng năng lượng tái tạo từ khí đốt từ Biogas phục vụ vùng nông thôn.

2.2.3. Kết quả ứng dụng công nghệ sinh học vào công tác chăm sóc sức khoẻ Nhân dân.

Ngành Y tế sử dụng hiệu quả các loại vaccine sử dụng trong chương trình tiêm chủng mở rộng phòng chống bệnh trẻ em: bệnh bại liệt, uốn ván trẻ sơ sinh, bạch hầu, ho gà, sởi, thủy đậu, rubella, quai bị, viêm gan siêu vi...; đã tiếp cận chuyển đổi một số loại vaccine thế hệ mới: viêm não nhật bản, viêm gan siêu vi B, bệnh dại. Sử dụng các men vi khuẩn sống trong điều trị loạn khuẩn đường ruột. Ứng dụng phản ứng gắn kết men trong chẩn đoán một số bệnh virus: viêm gan siêu vi B, HIV. Ứng dụng KIT chẩn đoán và thiết bị sinh hóa máu phục vụ chẩn đoán bệnh kịp thời.

2.2.4. Kết quả ứng dụng công nghệ sinh học tại các xã, thị trấn

Tại các xã, thị trấn đã chú trọng chỉ đạo việc ứng dụng các giống mới, giống chất lượng cao, các mô hình, phương thức sản xuất hiệu quả, an toàn sinh học vào sản xuất rộng rãi, góp phần làm giảm công, chi phí đầu tư, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, từng bước nâng cao giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích. Sử dụng các giống lúa kháng sâu, bệnh mang lại hiệu quả kinh tế cao. Xử lý môi trường chăn nuôi bằng công nghệ EM và Biogas có hiệu quả, được nhiều hộ gia đình hưởng ứng, góp phần tận dụng năng lượng tự nhiên và hạn chế ô nhiễm môi trường. Ứng dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc thảo dược và phân bón sinh học vào vùng chuyên canh sản xuất rau an toàn. Qua đó, từng bước chuyển đổi tập quán sản xuất nặng về phân hoá học sang hữu cơ sinh học, bảo vệ môi trường, nâng cao sức khoẻ cho người sản xuất và người tiêu dùng.

3. Về đóng góp của công nghệ sinh học trong thúc đẩy phát triển Kinh tế- Xã hội:

3.1 Thúc đẩy tăng trưởng, chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

- Việc triển khai ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn Huyện đã tác động tích cực đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, trong lĩnh vực nông nghiệp, việc ứng dụng công nghệ sinh học đã đem lại một số kết quả quan trọng như ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất phân hữu cơ vi sinh, phòng chống sâu bệnh hại đối với cây trồng, vật nuôi và nuôi trồng thủy sản; ứng dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi gia súc, gia cầm. Trong lĩnh vực môi trường, ứng dụng công nghệ khí sinh học (Biogas), chế phẩm E.M để xử lý ô nhiễm môi

trường và phát điện, ứng dụng công nghệ phân hủy sinh học kỵ khí (UASB) để bảo vệ môi trường. Việc triển khai ứng dụng công nghệ sinh học đã góp phần hạn chế dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc dập dịch, tiêu độc khử trùng góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. Từng bước nâng cao tính ổn định, giảm dần tính phụ thuộc vào thời tiết trong sản xuất nông nghiệp; nâng cao giá trị sản xuất/đơn vị diện tích canh tác; góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

3.2. Nâng cao đời sống và giải quyết việc làm.

- Việc triển khai ứng dụng công nghệ sinh học đã góp phần thay đổi tập quán canh tác của nông dân từ lạc hậu, thủ công thay đổi dần bằng tập quán canh tác hiện đại, áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất; sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc thiên nhiên, nguồn gốc sinh học, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng. Ngành chăn nuôi đã có nhiều chuyển biến cả về cơ cấu, chất lượng đàn cũng như những thay đổi về phương thức tập quán chăn nuôi. Hệ thống giống lợn, bò, gia cầm và một số vật nuôi khác đã được cải tiến: Tỷ lệ lai Sind trong tổng đàn bò được nâng lên, quy mô và công nghệ cũng có nhiều chuyển biến.

Công nghệ sinh học đã và đang được ứng dụng rộng rãi trong sản xuất như ghép, nhân giống vô tính đối với một số cây; áp dụng phương pháp thụ tinh nhân tạo đối với một số loài gia súc; ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất phân hữu cơ vi sinh đã được triển khai trên qui mô vừa và nhỏ; ứng dụng chế phẩm công nghệ sinh học để xử lý ô nhiễm môi trường, thử nghiệm phòng chống sâu bệnh hại đối với cây trồng, vật nuôi và thủy hải sản; ứng dụng mô hình khí sinh học để xây dựng hầm khí Biogas đã và đang được nhiều hộ gia đình sử dụng... góp phần quan trọng thúc đẩy sản xuất nông, lâm và bảo vệ môi trường.

II. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ

- Công nghệ sinh học là một lĩnh vực công nghệ cao nhưng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học còn nhiều hạn chế; đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ còn thiếu và chậm được bổ sung; những kết quả nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào các lĩnh vực sản xuất trong thời gian vừa qua hiệu quả chưa cao, chưa tìm ra được sản phẩm công nghệ sinh học đặc thù và thế mạnh của địa phương. Do đó công nghệ sinh học chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

- Thiếu các tổ chức khoa học và công nghệ nghiên cứu, triển khai và ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học. Thiếu chính sách hỗ trợ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn huyện.

- Việc xây dựng các cơ chế, chính sách cùng như việc bố trí kinh phí nhằm khuyến khích, thúc đẩy việc phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học còn hạn chế.

- Một số hộ nông dân còn mang nặng tâm lý hoài nghi công nghệ sinh học nên chưa mạnh dạn đầu tư vào sản xuất, phần nào ảnh hưởng đến kết quả triển khai và ứng dụng công nghệ sinh học. Ngoài ra, đời sống của Nhân dân đa số còn rất nhiều khó khăn, nên việc đầu tư áp dụng công nghệ sinh học vào sản xuất, chăn nuôi còn hạn chế, chủ yếu nhờ sự hỗ trợ của các chương trình, dự án ngân sách nhà nước.

- Chưa có chương trình, kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực về công nghệ sinh học, nhất là cán bộ quản lý đầu ngành. Nguồn nhân lực công nghệ sinh học chưa được đào tạo bài bản, chưa có đào tạo nhân lực quản lý có trình độ cao về công nghệ sinh học. Chưa có chính sách thu hút, đào tạo và ưu đãi nguồn nhân lực có trình độ cao thuộc lĩnh vực công nghệ sinh học. Việc thu hút, ưu đãi, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao chưa được quan tâm đúng mức đã ảnh hưởng đến việc phát triển nguồn nhân lực công nghệ sinh học trong thời gian qua.

- Về cơ sở vật chất: chưa có hệ thống phòng thí nghiệm chuyên ngành với các trang thiết bị kỹ thuật đủ mạnh và đồng bộ để triển khai các lĩnh vực cơ bản của công nghệ sinh học phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội. Chưa có cơ sở đủ mạnh để các nhà khoa học trong và ngoài huyện tiến hành nghiên cứu, triển khai thử nghiệm, khẳng định các tiến bộ cần thiết và áp dụng hiệu quả cho địa phương. Điều này cực kỳ cần thiết và cấp bách đối với hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà.

III. MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SINH HỌC GIAI ĐOẠN 2020-2030

1. Mục tiêu

- Triển khai ứng dụng rộng rãi và có hiệu quả công nghệ sinh học vào lĩnh vực nông lâm nghiệp, thủy sản, y tế, bảo vệ môi trường và công nghiệp chế biến, sản xuất được một số sản phẩm chủ lực và có đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội Huyện.

- Đào tạo, tuyển dụng nguồn nhân lực có trình độ cao, làm chủ một số công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2. Phương hướng, nhiệm vụ

- Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo của chính quyền các cấp, công tác vận động quần chúng của Mặt trận và các tổ chức Đoàn thể, sự hưởng ứng của các doanh nghiệp để Chỉ thị số 50 “*về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá*” thực sự đi vào cuộc sống.

- Triển khai ứng dụng rộng rãi và có hiệu quả công nghệ sinh học vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản, y tế, bảo vệ môi trường và công nghiệp chế biến, sản xuất để tạo ra được một số sản phẩm chủ lực, đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội Huyện.

- Hình thành một số cơ sở, doanh nghiệp công nghệ sinh học vừa và nhỏ nhằm sản xuất, kinh doanh và dịch vụ các sản phẩm công nghệ sinh học phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Lấy công nghệ nhập làm chính để hình thành và phát triển ngành công nghệ sinh học ở địa phương.

- Đào tạo, tuyển dụng nguồn nhân lực có trình độ cao, làm chủ một số công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học phục vụ đặc lực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

3. Giải pháp

3.1. Xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học công nghệ

- Phát triển nguồn nhân lực: Đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ cán bộ đầu ngành trong lĩnh vực công nghệ sinh học bằng nhiều hình thức như: đào tạo cao học, thực tập sinh, nghiên cứu sinh trong và ngoài nước để định hướng và dẫn dắt nhiệm vụ nghiên cứu triển khai, có khả năng tiếp cận, sáng tạo và ứng dụng; Song song với đào tạo cán bộ đầu ngành, đào tạo đội ngũ kỹ thuật chuyên ngành để triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất hoặc ứng dụng công nghệ của nước ngoài để sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học; Phối hợp, liên kết với Viện, Trường để tập huấn nghiệp vụ và tiếp nhận chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật về công nghệ sinh học.

- Đầu tư trang thiết bị - công nghệ: Đẩy mạnh đầu tư các trang thiết bị, máy móc, vật tư...

3.2. Tuyên truyền nâng cao nhận thức

Tăng cường các chuyên mục về công nghệ sinh học phát trên sóng Phát thanh, phổ biến các kết quả nghiên cứu và ứng dụng, nâng cao chất lượng các chuyên mục và chuyên trang; tuyên truyền ứng dụng công nghệ sinh học vào cuộc sống thông qua các hội thảo, hội nghị, tập huấn các bài viết trên các báo trong và ngoài huyện, phóng sự phát trên sóng địa phương.

Các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn áp dụng các biện pháp kỹ thuật về chăn nuôi như chọn giống, chế biến thức ăn và phòng trừ dịch bệnh.

Các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội từ cấp Tỉnh đến cơ sở lồng ghép vào các hoạt động chuyên môn để tuyên truyền ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học đến các đối tượng trong hoạt động của đơn vị mình.

3.4. Đẩy mạnh triển khai và ứng dụng công nghệ sinh học trên các lĩnh vực

- Lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển nông thôn:

Về trồng trọt: Nâng cao số lượng và chất lượng sản xuất các giống lúa giống đầu dòng. Khảo nghiệm chọn lọc các giống cây hoa màu có năng suất chất lượng cao đưa vào sản xuất. Phục tráng các giống cây màu địa phương có giá trị cao như: Khoai lang Dinh Điền, đậu phộng, lúa tím sữa, bò địa phương, các loại cá đồng... bằng công nghệ sinh học.

Chăn nuôi: Đẩy mạnh công tác tái tạo giống bò đưa tỷ lệ đàn bò lai; Tổ chức lại chăn nuôi gia cầm theo hướng tập trung và đảm bảo an toàn dịch bệnh, khống chế và kiểm soát tốt về bệnh cúm gia cầm. Xây dựng hệ thống xử lý chất thải trong chăn nuôi.

Thủy sản: từng bước làm chủ công nghệ sản xuất giống, đổi mới quy trình công nghệ, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến để nâng cao chất lượng con giống sản xuất trên địa bàn phục vụ chiến lược nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững.

- *Lĩnh vực tài nguyên - môi trường - y tế*: Ứng dụng các giải pháp công nghệ sinh học và chế phẩm sinh học trong xử lý ô nhiễm môi trường từ chất thải sinh hoạt, công nghiệp và nông nghiệp để khắc phục suy thoái và ô nhiễm môi trường.

Sử dụng các loại vacxin phòng chống bệnh cho người, trong đó có vacxin thế hệ mới góp phần nâng cao chất lượng của công tác khám, chữa bệnh và phòng bệnh.

Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý nước thải y tế, nước thải công nghiệp; ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý chất thải sinh hoạt và sản xuất. Chú trọng ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý đất bị ô nhiễm, cải tạo những vùng đất bị thoái hóa, hoang hóa. Tổ chức điều tra, đánh giá tính hiệu quả của các công nghệ sinh học đã và đang ứng dụng trên địa bàn tỉnh. Tăng cường xây dựng các mô hình canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh công tác bảo tồn đa dạng sinh học, cụ thể là lưu giữ, bảo tồn các nguồn gen quý của địa phương, các giống loài bản địa có giá trị.

3.5. Hợp tác trong và ngoài nước

Tăng cường hợp tác với các địa phương trong cả nước trong vấn đề nghiên cứu và ứng dụng, để từng bước hình thành hoặc tiếp nhận và làm chủ được một số lĩnh vực công nghệ sinh học ứng dụng có hiệu quả vào sản xuất, phù hợp với 8 điều kiện địa phương; phối hợp phát triển các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và xử lý môi trường, sản xuất quy mô vừa và nhỏ.

Ngoài ra, thực hiện nội dung hợp tác đến năm 2025 giữa Huyện Tân Hồng và Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp như sau:

- Đào tạo, tập huấn, nghiên cứu khoa học; công tác hướng nghiệp, phân luồng trực tiếp cho học sinh, người lao động; thực tập, nghiên cứu khoa học cho sinh viên và giảng viên;

- Xây dựng mô hình thí điểm trong sản xuất nông nghiệp để ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp;

- Hỗ trợ phát triển các sản phẩm truyền thống, đặc trưng của Huyện; - Phát triển du lịch, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp;

- Hỗ trợ các Hợp tác xã/doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng quản trị, chất lượng sản phẩm (xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu; chế biến; bảo quản và an toàn vệ sinh thực phẩm) và các lĩnh vực khác.

3.6. Giải pháp về nguồn tài chính

Tăng cường đầu tư và đa dạng hóa các nguồn vốn để thực hiện có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ sinh học vào phát triển kinh tế - xã hội.

IV. CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

(có phụ lục kèm theo)

Trên đây là Báo cáo Tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 4/3/2005 của Ban bí thư “ về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” trên địa bàn huyện Tân Hồng./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy;
- Ban tuyên giáo huyện ủy;
- CT và Các PCT Huyện;
- Các phòng: Nông nghiệp & PTNT, Kinh tế & Hạ tầng, Tài nguyên & Môi trường, Y tế;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT/UBND (Oanh).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Mai Văn Siêng